

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 11 - 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến;

2. Bà Chung Kim Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **432/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020** về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **125/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Minh H, sinh năm 1987, (có mặt).

Địa chỉ: 143/12 Ng, phường Vĩnh B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Danh Thị Bích Tr, sinh năm 1988, (có mặt).

Địa chỉ: 388/8/35 Ng, phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - anh Trương Minh H:* Anh H và chị Danh Thị Bích Tr tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thế A, sinh ngày 11/8/2014, anh H yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung tại đơn ly hôn anh H trình bày nợ chị Trương

Thị Kim C 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), nợ Nguyễn Sĩ Th, 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), số tiền nợ này không có biên nhận nợ nên vợ chồng không xác định nợ chung trong vụ án xin ly hôn.

** Bị đơn - chị Danh Thị Bích Tr trình bày:* Chị Tr và anh Trương Minh H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng có những mâu thuẫn trong hôn nhân, chị Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh H. Vì hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc. Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thế A, sinh ngày 11/8/2014, chị Tr yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung không có giấy tờ xác nhận nên không xác định trong vụ án ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Minh H khởi kiện xin ly hôn với chị Danh Thị Bích Tr có nơi cư trú tại 388/8/35 Ng, phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trương Minh H: Anh Trương Minh H và chị Danh thị Bích Tr tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị ngày 10/12/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh H khởi kiện xin ly hôn chị Tr với lý do: Chị Tr bỏ gia đình đi và không chung thủy với anh H, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Tr không thống nhất lý do anh H xin ly hôn nhưng đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Tr đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Anh H và chị Tr có 01 người con chung là cháu Trương Thế A, sinh ngày 11/8/2014. Anh H, chị Tr đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Thế A. Tuy nhiên, việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Xét hiện tại cháu Thế A đang sống chung với gia đình

chị Tr, cháu đang được đi học và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó cần giữ nguyên môi trường sống tạo điều kiện cho cháu Thế A được phát triển tốt, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Thế A cho chị Tr nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trường hợp nếu chị Tr không đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền làm đơn thay đổi người nuôi con để được xem xét giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị Tr là người nuôi con không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về tài sản chung:* Anh H và chị Tr xác định không có.

[5] *Về nợ chung:* Tại đơn ly hôn anh H trình bày nợ chị Trương Thị Kim C 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), nợ Nguyễn Sĩ Th, 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Anh H trình bày do quan hệ thân thiết nên việc mượn nợ không có biên nhận. Xét anh H, chị Hồng chưa cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, năm sinh, địa chỉ, chứng cứ nợ chung. Đồng thời, tại phiên hòa giải tại Tòa án anh H, chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung. Do đó, Tòa án không đưa những người này vào tham gia tố tụng và không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004703 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Anh H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Minh H được ly hôn với chị Danh Thị Bích Tr.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trương Thế A, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Danh Thị Bích Tr nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Tài sản chung, nợ chung:* Anh H, chị Tr xác định không có.

4. *Về án phí ly hôn:* Anh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004703 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Anh H đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS tp.Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy